

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH
Về thống kê khoa học và công nghệ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;
Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về cung cấp, thu thập, xử lý, công bố và sử dụng thông tin thống kê khoa học và công nghệ, phát triển công tác thống kê khoa học và công nghệ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Các hoạt động thống kê khoa học và công nghệ không do các cơ quan nhà nước tổ chức; hoạt động thống kê khoa học và công nghệ liên quan đến an ninh, quốc phòng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước các cấp.
2. Đơn vị sự nghiệp.
3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp.
4. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị phụ thuộc).
5. Hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở kinh doanh cá thể, hộ gia đình, cá nhân.
6. Tổ chức khác của Việt Nam ở trong nước và ngoài nước.
7. Tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động khoa học và công nghệ trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Thông tin thống kê khoa học và công nghệ

1. Thông tin thống kê khoa học và công nghệ là sản phẩm của hoạt động thống kê trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, bao gồm các số liệu thống kê khoa học và công nghệ và bản phân tích các số liệu đó.

2. Thông tin thống kê khoa học và công nghệ được hình thành từ các nguồn sau:

a) Thông tin thống kê khoa học và công nghệ do hệ thống tổ chức thống kê tập trung ở cấp huyện, cấp tỉnh và Tổng cục Thống kê trực tiếp thực hiện;

b) Thông tin thống kê khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp tổ chức thực hiện và tổng hợp từ thông tin thống kê khoa học và công nghệ do các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện;

c) Thông tin thống kê khoa học và công nghệ do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện;

d) Thông tin thống kê quốc tế về khoa học và công nghệ và thông tin thống kê thông qua các hoạt động quản lý khác của Nhà nước.

Điều 4. Chỉ tiêu thống kê khoa học và công nghệ

1. Chỉ tiêu thống kê khoa học và công nghệ được áp dụng thống nhất trong cả nước và bao gồm các nhóm chính như sau:

a) Nhóm chỉ tiêu về nhân lực khoa học và công nghệ, gồm:

- Các chỉ tiêu chung về nhân lực khoa học và công nghệ;
- Các chỉ tiêu về nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- Các chỉ tiêu về đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ;
- Các chỉ tiêu về lưu chuyển quốc tế của nhân lực khoa học và công nghệ;
- Các chỉ tiêu khác về nhân lực khoa học và công nghệ.

b) Nhóm chỉ tiêu về tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, gồm:

- Các chỉ tiêu về đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ;
- Các chỉ tiêu về đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- Các chỉ tiêu tài chính khác về khoa học và công nghệ.

c) Nhóm chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ, gồm:

- Các chỉ tiêu về cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ;
- Các chỉ tiêu về hạ tầng công nghệ và hạ tầng khoa học;
- Các chỉ tiêu về nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ;

- Các chỉ tiêu khác về cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ.

d) Nhóm chỉ tiêu về năng lực đổi mới công nghệ, gồm:

- Các chỉ tiêu về các tổ chức khoa học và công nghệ;
- Các chỉ tiêu về đổi mới công nghệ;
- Các chỉ tiêu về trình độ công nghệ trong sản xuất;
- Các chỉ tiêu khác về năng lực đổi mới công nghệ.

đ) Nhóm chỉ tiêu về kết quả của hoạt động khoa học và công nghệ, gồm:

- Các chỉ tiêu về đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ;
- Các chỉ tiêu về phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hóa;
- Các chỉ tiêu về thương mại công nghệ;
- Các chỉ tiêu về thương mại bằng phát minh, sáng chế;
- Các chỉ tiêu về xuất bản khoa học và công nghệ;
- Các chỉ tiêu về giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia và quốc tế;
- Các chỉ tiêu khác về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.

e) Nhóm chỉ tiêu về tác động của khoa học và công nghệ, gồm:

- Các chỉ tiêu về tác động của khoa học và công nghệ trong sản xuất - kinh doanh;
- Các chỉ tiêu về tác động xã hội của khoa học và công nghệ;
- Các chỉ tiêu về nhận thức của công chúng đối với vai trò của khoa học và công nghệ;
- Các chỉ tiêu khác về tác động của hoạt động khoa học và công nghệ.

g) Các chỉ tiêu thống kê khoa học và công nghệ khác.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thống kê xây dựng, ban hành chi tiết hệ thống chỉ tiêu thống kê khoa học và công nghệ, các phân tổ chính, hình thức thu thập, kỳ thu thập, phương pháp tính các chỉ tiêu.

Điều 5. Bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ

1. Ngoài các bảng phân loại thống kê được quy định trong Luật Thống kê, hoạt động thống kê khoa học và công nghệ sử dụng các bảng phân loại sau:

- a) Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ;
- b) Bảng phân loại mục tiêu kinh tế - xã hội của hoạt động khoa học và công nghệ;
- c) Bảng phân chia dạng hoạt động khoa học và công nghệ, vòng đời công nghệ, dạng tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thống kê xây dựng, ban hành các bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ.

Chương II

CUNG CẤP, THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Chế độ báo cáo thống kê khoa học và công nghệ

1. Chế độ báo cáo thống kê khoa học và công nghệ bao gồm:

- a) Chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ;
- b) Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ.

2. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ bao gồm các quy định về đối tượng thực hiện; biểu mẫu, chỉ tiêu thống kê; phương pháp tính; trách nhiệm của các cơ quan thực hiện chế độ báo cáo; nơi nhận báo cáo; kỳ hạn, thời hạn thực hiện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để thu thập thông tin thống kê khoa học và công nghệ từ các chứng từ, sổ ghi chép số liệu ban đầu.

3. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ bao gồm các quy định về đối tượng thực hiện; biểu mẫu, chỉ tiêu thống kê; phương pháp tính; trách nhiệm của các cơ quan thực hiện chế độ báo cáo; nơi nhận báo cáo; kỳ hạn, thời hạn thực hiện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để tổng hợp thông tin thống kê từ các báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ, kết quả các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ và các nguồn thông tin khác liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 7. Xây dựng, ban hành và đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ

1. Việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ phải căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, của ngành khoa học và công nghệ và bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) Đáp ứng các yêu cầu của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ và các yêu cầu quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;
- b) Không được trùng lặp về nội dung và kỳ báo cáo giữa các chế độ báo cáo;
- c) Bảo đảm tính khả thi.

2. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ:

- a) Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia về khoa học và công nghệ do Tổng cục Thống kê được phân công thực

hiện theo quy định tại Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê khoa học và công nghệ ngoài những chỉ tiêu thống kê về khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này sau khi có sự tham khảo ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và Tổng cục Thống kê thì Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng quyết định.

3. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ gồm:

- a) Các tổ chức khoa học và công nghệ của Nhà nước;
- b) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khác;
- c) Các doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập;
- d) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách Nhà nước để hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 8. Xây dựng, ban hành và đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ

1. Việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ phải căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, của ngành khoa học và công nghệ và bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) Đáp ứng các yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội và các yêu cầu quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Chính phủ, Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp;
- b) Không được trùng lặp về nội dung và kỳ báo cáo giữa các chế độ báo cáo do Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành;
- c) Bảo đảm tính khả thi.

2. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thống kê xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ đối với các đối tượng thuộc điểm a khoản 3 Điều này;

b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ cho các đối tượng được quy định ở điểm b khoản 3 Điều này sau khi có sự tham khảo ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ của

Tổng cục Thống kê. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và Tổng cục Thống kê thì Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng quyết định.

3. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Các cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của các đơn vị thực hiện chế độ báo cáo thống kê khoa học và công nghệ

1. Đơn vị thực hiện chế độ báo cáo thống kê khoa học và công nghệ có quyền:

a) Được bảo đảm bí mật thông tin đã cung cấp theo quy định của pháp luật.

b) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thực hiện chế độ báo cáo thống kê khoa học và công nghệ có nghĩa vụ:

a) Báo cáo đầy đủ, trung thực, khách quan và đúng nội dung thông tin được quy định trong từng chế độ báo cáo thống kê khoa học và công nghệ;

b) Nộp báo cáo đúng hạn;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều tra thống kê khoa học và công nghệ

1. Điều tra thống kê khoa học và công nghệ được tiến hành trong các trường hợp sau:

a) Thu thập những thông tin thống kê khoa học và công nghệ từ các tổ chức không phải thực hiện chế độ báo cáo thống kê hoặc không thể thực hiện chế độ báo cáo thống kê;

b) Bổ sung thông tin từ các tổ chức có thực hiện chế độ báo cáo thống kê khoa học và công nghệ;

c) Khi có nhu cầu đột xuất.

2. Mỗi cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ đều phải có phương án điều tra.

Điều 11. Điều tra thống kê khoa học và công nghệ trong chương trình điều tra thống kê quốc gia

1. Bộ Khoa học và Công nghệ xác định nhu cầu, lập dự kiến điều tra thống kê về khoa học và công nghệ của kỳ kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ 5 năm

và hàng năm, gửi Tổng cục Thống kê để tổng hợp vào chương trình điều tra thống kê quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Chương trình điều tra thống kê quốc gia về khoa học và công nghệ bao gồm những nội dung cụ thể sau:

- a) Danh mục các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ;
- b) Thời kỳ, thời điểm điều tra thống kê khoa học và công nghệ;
- c) Cơ quan chủ trì điều tra thống kê khoa học và công nghệ;
- d) Các cơ quan phối hợp để thực hiện điều tra thống kê khoa học và công nghệ;
- đ) Dự toán kinh phí và nguồn kinh phí điều tra thống kê khoa học và công nghệ.

Điều 12. Điều tra thống kê khoa học và công nghệ ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia

Điều tra thống kê khoa học và công nghệ ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia được tiến hành trong các trường hợp sau:

1. Khi có nhu cầu đột xuất cần số liệu cho chương trình phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

2. Thu thập thông tin về các chỉ tiêu chưa có trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phục vụ yêu cầu của các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định điều tra thống kê khoa học và công nghệ

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quyết định các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ được phân công trong chương trình điều tra thống kê quốc gia và các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia phù hợp quy định tại Điều 12 của Nghị định này để thu thập những thông tin cho các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ được phân công thuộc chương trình điều tra thống kê quốc gia và các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ khác phù hợp quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định. Kết quả điều tra phải gửi cho Tổng cục Thống kê.

3. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ của ngành ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia phù hợp quy định tại Điều 12

của Nghị định này. Kết quả điều tra thống kê phải gửi cho Bộ Khoa học và Công nghệ và Tổng cục Thống kê.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ phù hợp quy định tại Điều 12 của Nghị định này. Kết quả điều tra thống kê phải gửi cho Bộ Khoa học và Công nghệ và Tổng cục Thống kê.

5. Tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước được tiến hành các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh trong phạm vi chức năng, lĩnh vực hoạt động. Nếu điều tra thống kê khoa học và công nghệ ngoài phạm vi chức năng, lĩnh vực hoạt động, phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đó.

Điều 14. Thẩm định phương án điều tra thống kê khoa học và công nghệ

1. Tổng cục Thống kê có trách nhiệm thẩm định phương án thống kê của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Điều 13 Luật Thống kê nhằm bảo đảm tính thống nhất và không trùng lặp trong điều tra thống kê.

2. Hồ sơ thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định;

b) Bản dự thảo phương án điều tra thống kê khoa học và công nghệ với những nội dung sau:

- Phạm vi, đối tượng, đơn vị thực hiện điều tra thống kê khoa học và công nghệ;

- Mẫu phiếu điều tra;

- Thời điểm, thời gian tiến hành điều tra;

- Phương pháp điều tra, phương pháp tính, tổng hợp các chỉ tiêu điều tra thống kê khoa học và công nghệ.

3. Sau khi nhận kết quả thẩm định phương án điều tra thống kê khoa học và công nghệ của Tổng cục Thống kê, cơ quan quyết định điều tra thống kê khoa học và công nghệ nghiên cứu ý kiến thẩm định, sửa đổi, bổ sung phương án điều tra cho phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê trước khi ban hành.

4. Quyết định và phương án điều tra thống kê khoa học và công nghệ trong chương trình điều tra thống kê quốc gia phải được gửi cho Tổng cục Thống kê sau khi ban hành. Quyết định và phương án điều tra thống kê khoa học và công nghệ ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia không do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện phải được gửi cho Bộ Khoa học và Công nghệ sau khi ban hành.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra thống kê khoa học và công nghệ

1. Tổ chức thực hiện điều tra thống kê khoa học và công nghệ có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Chỉ đạo, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện phương án điều tra thống kê khoa học và công nghệ;

b) Tổng hợp, phân tích, công bố kết quả điều tra thống kê khoa học và công nghệ;

c) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, khách quan và chính xác của thông tin điều tra, giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cá nhân thực hiện điều tra thống kê khoa học và công nghệ có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ điều tra thống kê; được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành;

b) Thực hiện điều tra theo đúng phương án điều tra thống kê khoa học và công nghệ đã được phê duyệt;

c) Phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, khách quan và chính xác của thông tin điều tra; giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân là đối tượng điều tra thống kê khoa học và công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân có quyền:

a) Được thông báo về quyết định, mục đích, yêu cầu, thời hạn của cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ;

b) Được bảo đảm bí mật thông tin đã cung cấp theo quy định của pháp luật;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ:

a) Không được từ chối hoặc cản trở việc thực hiện điều tra thống kê khoa học và công nghệ của Nhà nước;

b) Cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực, khách quan và đúng thời hạn theo yêu cầu của tổ chức và điều tra viên thống kê;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Mạng lưới thu thập và xử lý thông tin thống kê khoa học và công nghệ

Mạng lưới thu thập và xử lý thông tin thống kê khoa học và công nghệ bao gồm:

1. Tổ chức thống kê ngành khoa học và công nghệ;

2. Tổ chức thống kê thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, quy định tại Điều 21 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

3. Tổ chức, cá nhân chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác thống kê khoa học và công nghệ của cơ quan giúp việc chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh.

4. Cá nhân thực hiện thống kê tại các cơ sở.

Điều 18. Tổ chức thống kê ngành khoa học và công nghệ

1. Tổ chức thống kê ngành khoa học và công nghệ là đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện chức năng thu thập, xử lý, lưu giữ, phổ biến và cung cấp dịch vụ khai thác thông tin thống kê khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ của Tổ chức thống kê ngành khoa học và công nghệ:

a) Triển khai hoạt động nghiệp vụ thống kê khoa học và công nghệ, phục vụ yêu cầu quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Nghiên cứu khoa học, đào tạo và hướng dẫn nghiệp vụ thống kê khoa học và công nghệ;

c) Thực hiện các cuộc điều tra và báo cáo thống kê theo quy định.

3. Tổ chức thống kê ngành khoa học và công nghệ được bảo đảm biên chế và cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết để thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức thống kê ngành khoa học và công nghệ.

Điều 19. Nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thống kê khoa học và công nghệ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tại các cơ sở

1. Thu thập, xử lý các số liệu, thông tin thống kê khoa học và công nghệ thuộc phạm vi được giao.

2. Định kỳ lập và gửi báo cáo thống kê khoa học và công nghệ theo quy định của chế độ báo cáo thống kê khoa học và công nghệ.

3. Thực hiện điều tra thống kê khoa học và công nghệ theo quy định và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong công tác thống kê khoa học và công nghệ.

Điều 20. Nhiệm vụ của các cơ quan giúp việc chuyên môn về khoa học và công nghệ của các Bộ, ngành hoặc địa phương

1. Tham mưu về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thống kê khoa học và công nghệ thuộc phạm vi Bộ, ngành, địa phương.
2. Phối hợp và tham gia thực hiện thống kê khoa học và công nghệ theo lĩnh vực và địa bàn được phân công.

Chương III

CÔNG BỐ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 21. Công bố thông tin thống kê khoa học và công nghệ

1. Thông tin thống kê khoa học và công nghệ phải được công bố công khai, đúng thời hạn quy định, trừ những thông tin thống kê phải giữ bí mật theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Thông tin thống kê khoa học và công nghệ đã công bố là thông tin thống kê có giá trị pháp lý.

Trong trường hợp có sự khác nhau giữa các thông tin thống kê khoa học và công nghệ đã công bố thì quy định như sau:

- a) Đối với thông tin thống kê khoa học và công nghệ thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia thì sử dụng thông tin do Tổng cục Thống kê công bố;
- b) Đối với thông tin thống kê khoa học và công nghệ ngoài hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia thì sử dụng thông tin do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Điều 22. Thẩm quyền và hình thức công bố thông tin thống kê khoa học và công nghệ

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê công bố thông tin thống kê khoa học và công nghệ thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.
2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thông tin thống kê khoa học và công nghệ ngoài hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và thông tin thống kê khoa học và công nghệ là kết quả các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền ra quyết định theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này.
3. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ công bố thông tin thống kê khoa học và công nghệ là kết quả các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền ra quyết định theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này.
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố thông tin thống kê khoa học và công nghệ là kết quả các cuộc điều tra thống kê

khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền ra quyết định theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

5. Hình thức công bố thông tin thống kê khoa học và công nghệ:

- a) Niên giám Thống kê quốc gia;
- b) Niên giám Thống kê khoa học và công nghệ;
- c) Sách Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- d) Các xuất bản phẩm bằng giấy và điện tử;
- đ) Mạng thông tin khoa học và công nghệ Việt Nam;
- e) Hạp báo;
- g) Các hình thức công bố khác.

Điều 23. Sử dụng thông tin thống kê khoa học và công nghệ

1. Thông tin thống kê khoa học và công nghệ được người có thẩm quyền quy định tại Điều 21 của Nghị định này công bố là tài sản công. Mọi tổ chức, cá nhân được bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin này.

2. Việc trích dẫn, sử dụng thông tin thống kê khoa học và công nghệ đã công bố phải trung thực và ghi rõ nguồn gốc của thông tin. Nghiêm cấm sử dụng thông tin thống kê khoa học và công nghệ vào những việc làm phương hại đến lợi ích quốc gia và lợi ích của tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin.

Chương IV

BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 24. Bảo đảm tài chính cho công tác thống kê khoa học và công nghệ

1. Kinh phí cho hoạt động thống kê khoa học và công nghệ từ các nguồn sau:

- a) Kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động thống kê;
- b) Kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động khoa học và công nghệ;
- c) Kinh phí do tổ chức quốc tế tài trợ và các nguồn kinh phí khác.

2. Nguồn kinh phí trên được chi cho các nội dung sau:

- a) Chi cho chế độ thống kê khoa học và công nghệ thường xuyên;
- b) Chi cho hoạt động thống kê theo chế độ điều tra thống kê;
- c) Chi cho xây dựng, bổ sung, cập nhật các cơ sở dữ liệu thống kê khoa học và công nghệ; duy trì và phát triển mạng thông tin thống kê khoa học và công nghệ.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động thống kê khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 25. Bảo đảm nhân lực cho công tác thống kê khoa học và công nghệ

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải bố trí nhân lực chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác thống kê khoa học và công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh phải bố trí nhân lực kiêm nhiệm công tác thống kê khoa học và công nghệ.

2. Người làm công tác thống kê khoa học và công nghệ phải được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp thống kê tiên tiến.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thống kê tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về thống kê khoa học và công nghệ cho người làm công tác thống kê khoa học và công nghệ.

Điều 26. Bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trong hoạt động thống kê khoa học và công nghệ

Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động thống kê khoa học và công nghệ; ưu tiên đầu tư cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào hoạt động thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố thông tin, xây dựng ngân hàng dữ liệu và mạng thông tin thống kê khoa học và công nghệ. Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thống kê khoa học và công nghệ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm ngoài việc bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính còn không được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, xét tặng các giải thưởng, danh hiệu vinh dự khoa học và công nghệ, hưởng các ưu đãi dành cho các hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này có các yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính; Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(đã ký)

Phan Văn Khải